| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 06/2021/HS-ST
Ngày: 08-01-2021.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Minh Đạo.
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1/ Ông Phạm Văn Lâm.
2/ Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.
***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Thanh Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 323/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 349/2020/QĐXXST-HS ngày 26/12/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đặng Hoàng T**, sinh năm 1979. Tại: Hậu Giang. Nơi ĐKHKTT: Ấp CX, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Trình độ học vấn: 00/12. Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Đặng Văn Đ và bà Nguyễn Kim O; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 04/9/2020 và tạm giam cho đến nay; Có mặt.

*Bị hại:* Ông Huỳnh Nhật S, sinh năm 1977. Địa chỉ: phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt.

*Người làm chứng:* Nguyễn Văn Th, Doãn Ngọc Thành D, Phạm Văn B, Vũ Đức T, Phạm Minh H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Hoàng T và Nguyễn Văn Th, sinh năm 1963, cư trú tại khu 2, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương; Doãn Ngọc Thành D, sinh năm 1972, cư trú tại thị trấn PV, huyện PG, tỉnh Bình Dương và Phạm Văn B, sinh năm 1981, cư trú tại thị trấn S, huyện TVT, tỉnh Cà Mau là bạn và đều không có nghề nghiệp ổn định.

Ngày 15/3/2006, Nguyễn Văn Th rủ Doãn Ngọc Thành D, Phạm Văn B và Đặng Hoàng T cùng nhau đi lấy trộm xe mô tô bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì D, B và T đồng ý. Khoảng 02 giờ ngày 16/3/2006, B điều khiển xe mô tô biển số 61F8-45xx chở Th, còn T điều khiển xe mô tô hiệu Wave, biển số 95FA-06xx chở D đi tìm tài sản lấy

trộm. Khi đến cửa hàng xăng dầu của anh Huỳnh Nhật S, sinh năm 1977, cư trú tại khu phố 6, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương thì Th thấy trong sân có dựng 02 (hai) xe mô tô, xung quanh không có người nên Th lén lút dùng kiềm cộng lực cắt dây xích hàng rào, sau đó D và B đột nhập vào trong rồi dùng thanh đoản cạy khóa công tắc xe mô tô hiệu Honda Dream, biển số 61F7-60xx, số máy 30709xx, số khung 307009xx và xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha, biển số 61F4-42xx, số máy 00316xx, số khung 10312xx đẩy ra ngoài. T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Dream, biển số 61F7-60xx, B điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha, biển số 61F4-42xx đến khu vực ngã tư SS thuộc phường Đ, thành phố M giao cho Vũ Đức Ti, sinh năm 1975, cư trú tại xã NQ, huyện BG, tỉnh Hải Dương và Phạm Minh H, sinh năm 1984, cư trú tại xã CB, huyện CT, tỉnh Thanh Hóa để Ti và H đem đi tiêu thụ, còn T và B thuê xe ôm đi về phòng trọ của T và B tại phường HL, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Sau đó, Ti và H đem 02 (hai) xe mô tô trên bán cho đối tượng (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể). Bán được xe, Ti đưa cho D số tiền 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng. D chia cho Th và D mỗi người 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng, B và T mỗi người 1.000.000 (một triệu) đồng, còn 100.000 (một trăm nghìn) đồng D dùng để trả tiền nước. D, Th, T và B đã tiêu xài hết số tiền trên.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 253/KLTS-TT ngày 05/11/2020 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Dream, biển số 61F7-60xx, số máy 30709xx, số khung 307009xx trị giá 3.000.000 (ba triệu) đồng và 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha, biển số 61F4-422xx, số máy 00316xx, số khung 10312xx trị giá 8.000.000 (tám triệu) đồng.

Trong quá trình điều tra làm rõ vụ án hình sự Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã ra Quyết định khởi tố bị can số 279 ngày 18/8/2006 và Quyết định truy nã số 08 đối với bị can Đặng Hoàng T, đến ngày 04/9/2020 T đến Công an xã TB, huyện PH, tỉnh Hậu Giang đầu thú và khai nhận hành vi trộm cắp tài sản ngày 16/3/2006 tại cửa hàng xăng dầu địa chỉ tại khu phố 6, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định tạm giữ sau đó chuyển tạm giam để điều tra về Tội trộm cắp tài sản.

Đối với các đồng phạm của Đặng Hoàng T là Nguyễn Văn Th, Doãn Ngọc Thành D, Phạm Văn B, Vũ Đức Ti và Phạm Minh H đã bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương xét xử và tuyên phạt: Nguyễn Văn Th mức án 06 năm tù giam, Doãn Ngọc Thành D mức án 06 năm tù giam, Phạm Văn B mức án 30 tháng tù giam, Vũ Đức Ti mức án 18 tháng tù giam và Phạm Minh H mức án 18 tháng tù giam, về tội trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 và khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 theo Bản án hình sự sơ thẩm số 127/2006/HSST ngày 25/10/2006. Đồng thời bản án trên cũng quyết định xử lý vật chứng và trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại Huỳnh Nhật S.

Cáo trạng số 329/CT-VKS-HS ngày 30/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo Đặng Hoàng T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật

Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đặng Hoàng T mức hình phạt từ 09 tháng tù đến 01 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, những chứng cứ đã được thu thập đều hợp pháp. Tuy tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì Bộ luật Hình sự năm 1999 có hiệu lực thi hành nhưng do các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 về tội trộm cắp tài sản có lợi hơn Bộ luật Hình sự 1999. Vì thế, Hội đồng xét xử căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, Khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xem xét áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017 đối với bị cáo.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, lời khai của bị hại cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 16/3/2006, Đặng Hoàng T cùng Nguyễn Văn Th, Doãn Ngọc Thành D, Phạm Văn B có hành vi lén lút chiếm đoạt 02 (hai) xe mô tô hiệu Honda Dream và Honda Wave Alpha có tổng trị giá 11.000.000đ (mười một triệu đồng) mang đi bán lấy tiền tiêu xài, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng). Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Đối với Nguyễn Văn Th, Doãn Ngọc Thành D, Phạm Văn B, Vũ Đức T, Phạm Minh H đã bị xét xử tại bản án hình sự sơ thẩm số 127/2006/HSST ngày 25/10/2006 của Tòa án nhân dân thị xã Thủ Dầu Một nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Mặt khác, bị cáo có nhân thân xấu, ngoài hành vi này còn bị cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện CB, tỉnh Tiền Giang và huyện BTU, tỉnh Bình Dương khởi tố về hành vi chiếm đoạt tài sản. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ mà bị cáo đã thực hiện, cách

ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đồng thời sau khi phạm tội đã đến cơ quan công an đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Căn cứ nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là chưa phù hợp. Bởi lẽ sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo cố tình lẩn trốn, gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Đồng thời bị cáo có nhân thân xấu. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức hình phạt cao hơn đề nghị của Viện kiểm sát.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại bản án hình sự sơ thẩm số 127/2006/HSST ngày 25/10/2006 của Tòa án nhân dân thị xã Thủ Dầu Một nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[7] Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo nộp số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) thu lợi bất chính sung ngân sách nhà nước.

[8] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 136, 260, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Đặng Hoàng T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2/ Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Đặng Hoàng T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/9/2020.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Không đề cập xử lý.

4/ Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Buộc bị cáo nộp số tiền 1.000.000đ (mọt triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

5/ Về án phí: Buộc bị cáo nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Minh Đạo**